

Số: 41

Ngày 22/10/2018

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

1. Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư bị thu hồi khi không hoạt động tại trụ sở.
2. Giáo viên dạy lý thuyết lái xe ô tô phải có bằng tốt nghiệp trung cấp luật trở lên.
3. Quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.
4. Bổ sung một số điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
5. Phạt đến 100 triệu đồng khi bán hàng đa cấp bất chính.
6. Thủ tướng yêu cầu tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với việc quản lý, sử dụng, vận hành nhà chung cư.
7. Phát hiện có hành vi trộm cắp điện, kiểm tra viên điện lực có trách nhiệm lập biên bản và chuyển hồ sơ lên cấp có thẩm quyền xử lý.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Theo Luật tố cáo, quyền của người giải quyết tố cáo được quy định như thế nào?
2. Quy trình tiếp nhận, xử lý thông tin có nội dung tố cáo của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền được quy định như thế nào?
3. Việc Tiếp nhận, xử lý tố cáo do cơ quan báo chí, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển đến được thực hiện như thế nào?
4. Luật tố cáo quy định trình tự giải quyết tố cáo như thế nào?

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. GIẤY ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ BỊ THU HỒI KHI KHÔNG HOẠT ĐỘNG TẠI TRỤ SỞ

Nghị định 137/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 123/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư đã được Chính phủ ban hành ngày 08/10/2018 và có hiệu lực từ ngày 25/11/2018 với một số nội dung đáng chú ý sau:

Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không đủ tiêu chuẩn tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, không đủ tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức tốt để hành nghề luật sư: đã bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức mà quyết định kỷ luật chưa chấm dứt hiệu lực hoặc bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc mà chưa hết thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định buộc thôi việc có hiệu lực; đã bị xử lý hành chính về một trong các hành vi vi phạm trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, quy định về gây thiệt hại đến tài sản của người khác, quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước, cản trở, chống lại việc thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ hoặc đưa hối lộ người thi hành công vụ nhưng chưa hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử lý hành chính; đã bị xử lý hành chính hoặc xử lý kỷ luật hoặc xử lý hình sự hoặc có kết luận của cơ quan có thẩm quyền về một trong các hành vi liên quan đến chiếm đoạt tài sản, trục lợi, gian lận, gian dối, xâm

phạm an ninh quốc gia; ứng xử, phát ngôn làm ảnh hưởng đến hình ảnh, uy tín nghề luật sư hoặc gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; tham gia, lôi kéo, kích động, mua chuộc, cưỡng ép người khác tập trung đông người để gây rối trật tự công cộng, thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.

Người đã bị xử lý hình sự hoặc xử lý kỷ luật đến mức bị cách chức chức danh thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, kiểm tra viên, thẩm tra viên; tước danh hiệu công an nhân dân, tước quân hàm sĩ quan quân đội nhân dân; tước học hàm, học vị giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật, tiến sỹ luật hoặc đã bị thu hồi quyết định bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp, chuyên viên chính, nghiên cứu viên chính, giảng viên chính trong lĩnh vực pháp luật thì không được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn, giảm thời gian tập sự hành nghề luật sư theo quy định.

Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau: chấm dứt hoạt động theo quy định; bị xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức tước quyền sử dụng Giấy đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; không đăng ký mã số thuế trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động; không hoạt động liên tục tại trụ sở đã đăng ký trong thời hạn 06 tháng, trừ trường hợp tạm

ngừng hoạt động theo quy định của pháp luật; không hoạt động trở lại hoặc không có báo cáo về việc tiếp tục tạm ngừng hoạt động quá 06 tháng, kể từ ngày hết thời hạn tạm ngừng hoạt động theo quy định của pháp luật. Giấy đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân bị thu hồi tự chấm dứt hành nghề hoặc bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định.

2. GIÁO VIÊN DẠY LÝ THUYẾT LÁI XE Ô TÔ PHẢI CÓ BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP LUẬT TRỞ LÊN

Tiêu chuẩn giáo viên dạy lái xe ô tô là một trong những nội dung được Chính phủ quy định tại Nghị định 138/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 65/2016/NĐ-CP về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

Theo đó, giáo viên dạy lý thuyết phải có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành luật, công nghệ ô tô, công nghệ kỹ thuật ô tô, lắp ráp ô tô hoặc chuyên ngành khác có nội dung đào tạo chuyên ngành ô tô chiếm 30% trở lên. Riêng giáo viên dạy môn Kỹ thuật lái xe phải có giấy phép lái xe tương ứng hạng lái xe trở lên. Giáo viên dạy thực hành lái xe phải có các tiêu chuẩn cụ thể như: có giấy phép lái xe tương ứng hoặc cao hơn hạng xe đào tạo nhưng không thấp hơn hạng B2; giáo viên dạy các hạng B1, B2 phải có giấy phép lái xe từ 03 năm trở lên, kể từ ngày trúng tuyển; giáo viên dạy hạng C, D, E, F phải có giấy phép lái xe từ 05 năm trở lên, từ ngày trúng tuyển; đã qua tập huấn nghiệp vụ dạy thực

hành lái xe và được cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe. Cả giáo viên dạy lý thuyết và thực hành lái xe đều phải đáp ứng tiêu chuẩn đối với nhà giáo dạy trình độ sơ cấp theo quy định về giáo dục nghề nghiệp.

Trung tâm sát hạch lái xe có trách nhiệm bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị kiểm tra, chấm điểm, có đủ phương tiện, thiết bị đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn cháy nổ theo quy định để thực hiện các kỳ sát hạch đạt kết quả chính xác, khách quan. Trong đó, số lượng xe cơ giới dùng để sát hạch: Sát hạch lái xe trong hình hạng A1, B1, B2 và C tối thiểu mỗi hạng 02 xe, các hạng khác tối thiểu mỗi hạng 01 xe và không được sử dụng vào mục đích kinh doanh khác; sát hạch lái xe trên đường tối thiểu mỗi hạng 01 xe. Xe sát hạch lái xe thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân có trung tâm sát hạch lái xe. Thiết bị mô phỏng để sát hạch lái xe có ít nhất 01 thiết bị được cài đặt phần mềm sát hạch lái xe mô phỏng do Bộ Giao thông vận tải quy định. Quy định quy chuẩn, lộ trình trang bị thiết bị mô phỏng để đào tạo, sát hạch lái xe, thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học thực hành lái xe của học viên; hướng dẫn việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát thời gian học lý thuyết đối với học viên của các cơ sở đào tạo lái xe ô tô.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/12/2018.

3. QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

Ngày 08/10/2018, Chính phủ ban hành Nghị định 139/2018/NĐ-CP quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, theo đó, tổ chức đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, dây chuyền kiểm định, nhân lực theo quy định tại Nghị định này và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị đăng kiểm do Bộ Giao thông vận tải ban hành được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

Về điều kiện cơ sở vật chất phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: đối với đơn vị đăng kiểm có một dây chuyền kiểm định loại I, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 1.250 m²; đối với đơn vị đăng kiểm có một dây chuyền kiểm định loại II, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 1.500 m²; đối với đơn vị đăng kiểm có hai dây chuyền kiểm định, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 2.500 m²; đối với đơn vị đăng kiểm có từ 03 (ba) dây chuyền kiểm định trở lên thì diện tích sử dụng cho hoạt động kiểm định từ dây chuyền thứ 3 trở lên tăng thêm tương ứng cho mỗi dây chuyền không nhỏ hơn 625 m². Xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại I kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) là 30 x 4 x 3,5 (m); xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại II: Kích thước thông xe tối thiểu là 36 x 5 x 4,5 (m); đối với xưởng kiểm định có nhiều dây chuyền kiểm định bố trí cạnh nhau thì khoảng cách giữa tâm các dây chuyền

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

kiểm định không nhỏ hơn 4m và khoảng cách từ tâm dây chuyền ngoài cùng đến mặt trong tường bao gần nhất của xưởng kiểm định không nhỏ hơn 2,5m.

Nghị định này quy định, đơn vị kiểm định phải đáp ứng một số điều kiện về nhân lực như sau: mỗi dây chuyền kiểm định phải có tối thiểu 03 đăng kiểm viên, trong đó có ít nhất 01 đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao; có phụ trách dây chuyền kiểm định (phụ trách dây chuyền kiểm định chỉ được phụ trách tối đa 02 dây chuyền); có lãnh đạo đơn vị đơn vị đăng ký và nhân viên nghiệp vụ theo quy định.

Theo Nghị định, số lượng xe cơ giới được cấp Giấy chứng nhận kiểm định trong ngày (08 giờ làm việc) phải thỏa mãn đồng thời các quy định: trường hợp đăng kiểm viên kiểm tra một xe trên dây chuyền kiểm định thì số lượng xe không quá 20 xe; trường hợp nhiều đăng kiểm viên cùng kiểm tra một xe trên dây chuyền kiểm định thì số lượng xe không quá 20 lần số lượng đăng kiểm viên; không quá 90 xe đối với dây chuyền kiểm định loại I và không quá 70 xe đối với một dây chuyền kiểm định loại II.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019.

4. BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Nghị định số 140/2018/NĐ-CP có hiệu lực ngay khi ban hành ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ

sung một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Theo đó, Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 của Chính phủ được sửa đổi như sau: tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động phải đáp ứng đủ các điều kiện bảo đảm thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định cho từng đối tượng thuộc phạm vi kiểm định, theo yêu cầu tại quy trình kiểm định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động; có ít nhất 02 kiểm định viên làm việc theo hợp đồng từ 12 tháng trở lên thuộc tổ chức để thực hiện kiểm định đối với mỗi đối tượng thuộc phạm vi đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định; người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định của tổ chức phải có thời gian làm kiểm định viên tối thiểu 02 năm.

Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bao gồm: đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận; bản sao quyết định thành lập đối với đơn vị sự nghiệp; danh mục thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm định; một trong các tài liệu sau để chứng minh kinh nghiệm của người phụ trách kỹ thuật hoạt động kiểm định (bản sao sổ hoặc tờ rời về tham gia bảo hiểm xã hội; bản sao hợp đồng lao động; bản sao biên bản kiểm định kèm theo giấy chứng nhận kết quả kiểm định).

Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/03/2015 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung như sau: hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá kỹ năng nghề gồm: văn bản đề nghị của tổ chức; quyết định thành lập tổ chức do cơ quan có thẩm quyền cấp; tài liệu chứng minh đáp ứng được các điều kiện quy định. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận kỹ năng nghề gồm: văn bản đề nghị của tổ chức; giấy chứng nhận đã được cấp, trừ trường hợp giấy chứng nhận bị mất.

Tổ chức có nhu cầu cấp; cấp lại; cấp đổi, bổ sung giấy chứng nhận lập hồ sơ gửi trực tiếp qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện đến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp). Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện thì các thành phần hồ sơ nộp ở dạng bản gốc hoặc bản sao có chứng thực; trường hợp đăng ký qua cổng dịch vụ công trực tuyến thì thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và cấp; cấp lại; cấp thay đổi giấy chứng nhận; trường hợp không cấp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện được sửa đổi, bổ sung như sau: về nhân sự, người đứng đầu cơ sở

cai nghiện phải là người đã có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên và có chứng chỉ hoặc chứng nhận đã hoàn thành chương trình đào tạo cơ bản về cai nghiện ma túy; người phụ trách chuyên môn của cơ sở cai nghiện là bác sỹ, được cấp chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực tâm thần hoặc trong lĩnh vực điều trị hỗ trợ cai nghiện, có thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh từ đủ 36 tháng trở lên, trong đó có thời gian trực tiếp làm công tác cai nghiện từ đủ 12 tháng trở lên; cán bộ quản lý, nhân viên y tế, nhân viên tư vấn, điều dưỡng viên làm việc tại cơ sở cai nghiện phải có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm; có chứng chỉ hoặc chứng nhận đã hoàn thành chương trình đào tạo cơ bản về cai nghiện ma túy.

Về cơ sở vật chất, phải có nơi tiếp nhận người nghiện; có khu vực thực hiện cắt cơn, giải độc, cấp cứu có diện tích sử dụng tối thiểu 30 m²; khu vực theo dõi phục hồi sau cắt cơn; Diện tích sử dụng tối thiểu 5m²/người cai nghiện, có các tiện nghi sinh hoạt thông thường (nhà vệ sinh chung, giường, chiếu, chăn, màn riêng cho mỗi người) để có thể bảo đảm thời gian lưu người cai nghiện ma túy tối thiểu là 20 ngày, kể từ ngày bắt đầu cắt cơn, giải độc; có đủ thiết bị, dụng cụ y tế để thực hiện việc cắt cơn, giải độc, theo dõi sức khỏe, phục hồi sức khỏe sau cắt cơn, giải độc và các thiết bị theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này; có thuốc hỗ trợ cắt cơn, giải độc, thuốc chống sốc, thuốc cấp cứu chuyên khoa

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

và các loại thuốc cần thiết khác theo quy định của Bộ Y tế; có khu vực quản lý riêng cho người cai nghiện ma túy là: người dưới 18 tuổi, phụ nữ, người mắc bệnh truyền nhiễm, người bị loạn thần.

5. PHẠT TIỀN ĐẾN 100 TRIỆU ĐỒNG KHI BÁN HÀNG ĐA CẤP BẤT CHÍNH

Đây là nội dung đáng chú ý được Chính phủ nêu tại Nghị định 141/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

Theo đó, phạt tiền từ 80 - 100 triệu đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi bán hàng đa cấp bất chính sau: yêu cầu người khác đặt cọc hoặc nộp một khoản tiền nhất định để được ký hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp; yêu cầu người khác phải mua một số lượng hàng hóa nhất định để được ký hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp; cho người tham gia bán hàng đa cấp nhận tiền hoặc lợi ích kinh tế khác từ việc giới thiệu người khác tham gia vào hoạt động bán hàng đa cấp mà không phải từ việc mua, bán hàng hóa của người được giới thiệu đó; phạt gấp 02 lần mức phạt nêu trên nếu hành vi vi phạm được thực hiện trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trở lên.

Nghị định mới cũng nâng mức phạt lên đến 5 triệu đồng thay vì 500.000 đồng như trước đây đối với người tham gia bán hàng đa cấp: tiếp thị, bán hàng khi chưa được cấp Thẻ thành viên; không xuất trình Thẻ

Số 41 ngày 22/10/2018 trang 6/12

thành viên trước khi giới thiệu hoặc tiếp thị, bán hàng.

Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân kinh doanh theo phương thức đa cấp khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp thu lợi bất chính đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho người khác đến dưới 500.000.000 đồng. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với thương nhân có một trong các hành vi vi phạm sau đây: không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thủ tục thông báo trong trường hợp có thay đổi thông tin tại danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp theo quy định của pháp luật; không thực hiện thủ tục đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trong trường hợp pháp luật quy định; ký hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với cá nhân không đủ điều kiện tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật; ký hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp không bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản theo quy định của pháp luật.

Nghị định mới này có hiệu lực từ ngày 25/11/2018.

6. THỦ TƯỚNG YÊU CẦU TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, VẬN HÀNH NHÀ CHUNG CƯ

Để tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với việc quản lý, sử dụng, vận hành nhà chung cư và khắc phục kịp thời các hạn chế, bất cập, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 09/10/2018 về việc tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với công tác quản lý, vận hành, sử dụng nhà chung cư. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan rà soát sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của chủ đầu tư, ban quản trị, doanh nghiệp quản lý vận hành nhà chung cư và chủ sở hữu, chủ sử dụng chung cư; chế tài xử phạt các hành vi vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý, vận hành nhà chung cư để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành; nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân diện tích thuộc sở hữu chung và sở hữu riêng trong các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng có liên quan; phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản.

Bộ Công an phối hợp với các địa phương tăng cường phổ biến tuyên truyền các quy định của Luật Phòng cháy chữa cháy và các văn bản hướng dẫn thi hành; các biện pháp, giải pháp bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy tại các chung cư; chỉ đạo các cơ quan chức năng nâng cao chất lượng

thẩm định dự án, thực hiện công tác nghiệm thu; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm các quy định về phòng cháy chữa cháy cũng như việc thực hiện thẩm định, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; bảo đảm thanh tra, kiểm tra đủ số lần, số lượt theo đúng quy định; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức điều tra, khởi tố, truy cứu trách nhiệm đối với các chủ thể có hành vi vi phạm nghiêm trọng trong quản lý, sử dụng, vận hành nhà chung cư, đặc biệt là hành vi chiếm dụng, sử dụng kinh phí bảo trì phần sở hữu chung của nhà chung cư trái quy định của pháp luật; công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an danh mục các dự án nhà

chung cư không đảm bảo các quy định về phòng cháy chữa cháy, không mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể việc quản lý sử dụng, vận hành nhà chung cư để triển khai áp dụng trên địa bàn; công bố quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch đô thị, dự án đầu tư xây dựng chung cư, trong đó xác định rõ phạm vi, ranh giới phần diện tích xây dựng chung cư, phần diện tích đất sử dụng chung trong khu đô thị.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành từ ngày 09/10/2018.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

7. PHÁT HIỆN CÓ HÀNH VI TRỘM CẮP ĐIỆN, KIỂM TRA VIÊN ĐIỆN LỰC CÓ TRÁCH NHIỆM LẬP BIÊN BẢN VÀ CHUYỂN HỒ SƠ LÊN CẤP CÓ THẨM QUYỀN XỬ LÝ

Ngày 05/10/2018, Bộ Công thương ban hành Thông tư 31/2018/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện.

Theo đó, nếu phát hiện có hành vi trộm cắp điện, kiểm tra viên điện lực có trách nhiệm lập Biên bản kiểm tra sử dụng điện, Biên bản vi phạm hành chính. Trong Biên bản kiểm tra sử dụng điện phải mô tả hành vi trộm

cắp điện và các thông số liên quan tới việc tính toán, xử lý vi phạm sử dụng điện; vẽ sơ đồ trộm cắp điện; các chứng cứ khác như phương tiện trộm cắp, ảnh chụp, băng ghi hình, dữ liệu điện tử khác (nếu có). Trường hợp tạm giữ các tang vật, phương tiện dùng để trộm cắp điện, Kiểm tra viên điện lực phải lập Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm theo mẫu quy định. Kiểm tra viên điện lực có trách nhiệm xác định sản lượng điện trộm cắp và số tiền bồi thường tương ứng được tính toán theo quy định. Kiểm tra viên điện lực có trách nhiệm thông báo cho bên bán điện để thực hiện ngừng cấp điện.

Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, ngoài việc lập Biên bản kiểm tra theo quy định và chuyển biên bản đến người có thẩm quyền xử phạt. Biên bản vi phạm hành chính được lập thành 03 bản, bên kiểm tra giữ 01 bản, bên được kiểm tra giữ 01 bản và gửi 01 bản cho cơ quan có thẩm quyền xử phạt. Biên bản được đóng dấu treo và ghi số thứ tự để quản lý. Biên bản đã sử dụng, kể cả biên bản ghi sai hoặc hủy bỏ phải được quản lý và lưu giữ đầy đủ theo quy định.

Trường hợp có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, Biên bản kiểm tra, Biên bản vi phạm hành chính phải được chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày lập xong biên bản. Trường hợp có hành vi trộm cắp điện hoặc vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp hoặc vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định Biên bản kiểm tra, Biên bản vi phạm hành chính, Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm cùng toàn bộ tang vật, phương tiện bị tạm giữ (nếu có) phải được chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính ngay sau khi

hoàn thành việc lập đầy đủ hồ sơ nhưng không quá 05 ngày làm việc.

Nếu bên mua điện không thông báo cho bên bán điện khi giảm số hộ sử dụng điện dùng chung công tơ hoặc giảm định mức sử dụng điện sinh hoạt thì bên mua điện phải trả cho bên bán điện số tiền chênh lệch trong thời gian vi phạm. Thời gian vi phạm được tính từ kỳ hóa đơn mà bên mua điện giảm số hộ sử dụng điện dùng chung công tơ hoặc giảm định mức sử dụng điện sinh hoạt nhưng không thông báo cho bên bán điện đến thời điểm bên bán điện thực hiện điều chỉnh. Trường hợp bên mua điện không xuất trình được tài liệu chứng minh thời điểm giảm số hộ sử dụng điện dùng chung công tơ hoặc giảm định mức sử dụng điện sinh hoạt thì thời gian vi phạm được tính từ thời điểm kiểm tra số hộ sử dụng điện dùng chung công tơ hoặc định mức sử dụng điện sinh hoạt gần nhất của bên bán điện đến thời điểm bên bán điện thực hiện điều chỉnh giảm nhưng không quá 12 tháng.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 20/11/2018.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO LUẬT HÒA GIẢI, ĐỐI THOẠI TẠI TÒA

Quốc hội đang tổ chức lấy ý kiến vào Dự thảo Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án. Phạm vi hòa giải, đối thoại theo quy định của Luật này được

thực hiện đối với các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính; yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự, Luật Tổ tụng hành chính hoặc các mâu thuẫn, tranh chấp dân sự, hành chính do một hoặc các bên yêu cầu Tòa án hòa giải, đối thoại.

Các bên tham gia hoà giải, đối thoại có quyền đồng ý hoặc từ chối tham gia hòa giải, đối thoại; yêu cầu tạm dừng hoặc chấm dứt hòa giải, đối thoại; yêu cầu Hòa giải viên, Đối thoại viên giữ bí mật hoặc công khai những thông tin cung cấp; bày tỏ ý chí và quyết định về nội dung hòa giải, đối thoại; yêu cầu Tòa án công nhận hòa giải thành, đối thoại thành. Các bên tham gia hòa giải, đối thoại có nghĩa vụ tuân thủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; tham gia hòa giải, đối thoại với tinh thần thiện chí, hợp tác với nhau và với Hòa giải viên, Đối thoại viên để thúc đẩy quá trình hòa giải, đối thoại đạt được kết quả tích cực; trình bày chính xác các tình tiết của vụ việc và cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến vụ việc theo yêu cầu của Hòa giải viên, Đối thoại viên; có mặt hoặc ủy quyền cho người khác tham gia phiên hòa giải, đối thoại theo giấy báo; tôn trọng Hòa giải viên, Đối thoại viên và các bên có liên quan; chấp hành quy chế hòa giải, đối thoại tại Tòa án; không sử dụng các thiết bị có chức năng ghi âm, ghi hình gây ảnh hưởng đến việc giữ bí mật thông tin hòa giải, đối thoại.

Yêu cầu hòa giải, đối thoại tại Tòa án được thực hiện theo các phương thức đề nghị trực tiếp tại Tòa án; nộp đơn yêu cầu trực tiếp tại Tòa án; gửi đơn yêu cầu đến Tòa án theo

đường dịch vụ bưu chính; gửi đơn yêu cầu trực tuyến bằng hình thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án. Đơn yêu cầu phải có những nội dung chính sau đây: ngày, tháng, năm làm đơn yêu cầu; tên Tòa án nhận đơn yêu cầu; tên, nơi cư trú, làm việc của người yêu cầu là cá nhân hoặc trụ sở của người yêu cầu là cơ quan, tổ chức; số điện thoại, fax và địa chỉ thư điện tử (nếu có). Trường hợp các bên thỏa thuận địa chỉ để Tòa án liên hệ thì ghi rõ địa chỉ đó; tên, nơi cư trú, làm việc của các bên có liên quan là cá nhân hoặc trụ sở các bên có liên quan là cơ quan, tổ chức; số điện thoại, fax và địa chỉ thư điện tử (nếu có); những vấn đề cụ thể yêu cầu hòa giải, đối thoại; tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu (nếu có).

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày được phân công, Hòa giải viên, Đối thoại viên phải tiến hành hòa giải, đối thoại. Trường hợp vụ việc phức tạp mà các bên tham gia hòa giải, đối thoại cần bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ hoặc theo yêu cầu chính đáng của họ thì thời hạn này có thể được kéo dài nhưng không quá 10 ngày. Thời hạn hòa giải, đối thoại là 30 ngày; trường hợp cần thiết thì có thể gia hạn nhưng không quá 02 tháng.

Trình tự hòa giải, đối thoại được tiến hành như sau: quá trình hòa giải, đối thoại có thể được tiến hành trong nhiều phiên, giải quyết lần lượt các yêu cầu hòa giải, đối thoại; các phiên hòa giải, đối thoại có thể được thực hiện bằng hình thức trực tiếp,

trực tuyến hoặc các hình thức khác; các phiên hòa giải, đối thoại được thực hiện công khai hoặc không công khai theo thỏa thuận của các bên; trong quá trình hòa giải, đối thoại, Hòa giải viên, Đối thoại viên có thể gặp riêng từng bên, yêu cầu mỗi bên trình bày ý kiến của mình về các vấn đề đang mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện, đề xuất giải pháp hòa giải, đối thoại; các bên đề xuất, đàm phán, thống nhất về các phương án giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện. Hòa giải viên, Đối thoại viên phân tích, gợi ý, hỗ trợ các bên thống nhất các giải pháp hòa giải, đối thoại nhưng không được áp đặt; thủ tục hòa giải, đối thoại được thực hiện bằng

tiếng Việt. Nếu có yêu cầu dịch thuật thì bên yêu cầu phải tự chịu trách nhiệm về việc dịch và độ chính xác của bản dịch. Một hoặc các bên có thể yêu cầu Hòa giải viên, Đối thoại viên bố trí phiên dịch cho mình và tự chịu chi phí phiên dịch.

Việc hòa giải, đối thoại kết thúc khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: hòa giải thành, đối thoại thành; hòa giải không thành, đối thoại không thành; một trong các bên yêu cầu hòa giải, đối thoại từ chối hoặc vắng mặt sau hai lần được thông báo về việc hòa giải, đối thoại; vụ việc không được hòa giải, đối thoại theo quy định của Luật.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Theo Luật tố cáo, quyền của người giải quyết tố cáo được quy định như thế nào?

*** Trả lời:** Khoản 1 điều 11 Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 ngày 12/6/2018 quy định người giải quyết tố cáo có các quyền sau đây:

1. Yêu cầu người tố cáo đến làm việc, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo mà người tố cáo có được;

2. Yêu cầu người bị tố cáo đến làm việc, giải trình về hành vi bị tố cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo;

3. Yêu cầu, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo;

4. Tiến hành các biện pháp cần thiết để xác minh, thu thập thông tin, tài liệu làm căn cứ để giải quyết tố cáo theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; áp dụng hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để ngăn chặn, chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo;

5. Kết luận nội dung tố cáo;

6. Xử lý kết luận nội dung tố cáo theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Hỏi: Quy trình tiếp nhận, xử lý thông tin có nội dung tố cáo của các

cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền được quy định như thế nào?

*** Trả lời:** Điều 25 Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 ngày 12/6/2018 quy định việc tiếp nhận, xử lý thông tin có nội dung tố cáo như sau:

1. Khi nhận được thông tin có nội dung tố cáo nhưng không rõ họ tên, địa chỉ của người tố cáo hoặc qua kiểm tra, xác minh không xác định được người tố cáo hoặc người tố cáo sử dụng họ tên của người khác để tố cáo hoặc thông tin có nội dung tố cáo được phản ánh không theo hình thức quy định tại Điều 22 của Luật này thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không xử lý theo quy định của Luật này.

2. Trường hợp thông tin có nội dung tố cáo rõ ràng về người có hành vi vi phạm pháp luật, có tài liệu, chứng cứ cụ thể về hành vi vi phạm pháp luật và có cơ sở để thẩm tra, xác minh thì cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tiến hành việc thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền hoặc chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để tiến hành thanh tra, kiểm tra phục vụ cho công tác quản lý.

3. Hỏi: Việc Tiếp nhận, xử lý tố cáo do cơ quan báo chí, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển đến được thực hiện như thế nào?

*** Trả lời:** Điều 26 Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 ngày 12/6/2018 quy định việc tiếp nhận, xử lý tố cáo do cơ quan báo chí, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển đến như sau:

1. Khi nhận được tố cáo của cá nhân do cơ quan báo chí, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển đến thì cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận có trách nhiệm tiến hành phân loại và xử lý như sau: trường hợp tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết và đủ điều kiện thụ lý thì thụ lý tố cáo; trường hợp không thuộc thẩm quyền giải quyết thì chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết; trường hợp tố cáo không đủ điều kiện thụ lý theo quy định tại Điều 29 của Luật này thì không thụ lý; trường hợp tố cáo không đủ điều kiện thụ lý nhưng có nội dung, thông tin rõ ràng về người có hành vi vi phạm, có tài liệu, chứng cứ cụ thể về hành vi vi phạm pháp luật và có cơ sở để thẩm tra, xác minh thì cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tiến hành việc thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền phục vụ cho công tác quản lý.

2. Kết quả xử lý tố cáo theo quy định tại khoản 1 Điều này được thông báo bằng văn bản cho cơ quan báo chí, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đã chuyển tố cáo trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được tố cáo.

4. Hỏi: Luật tố cáo quy định trình tự giải quyết tố cáo như thế nào?

*** Trả lời:** Điều 28 Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 ngày 12/6/2018 quy định trình tự giải quyết tố cáo như sau:

1. Thụ lý tố cáo.
2. Xác minh nội dung tố cáo.
3. Kết luận nội dung tố cáo.

4. Xử lý kết luận nội dung tố cáo của người giải quyết tố cáo.